

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH AN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HSST
Ngày 01/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2020 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2020/HSST, ngày 16/11/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST ngày 25/11/2020 đối với bị cáo: Vi Đức T, sinh ngày 19 tháng 5 năm 1985. Tại Đ, huyện T, tỉnh C.

Nơi ĐKKHTT: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh C; Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh C; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Vi Ngọc A (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1947; Anh chị em ruột: Có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; Vợ: Hà Thị T; Con: Có 01 con, sinh năm 2006.

Tiền án: Không có

Tiền sự: 01 (môt) - Ngày 30/6/2020 bị Công an xã Lê Lai, huyện Thạch An xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hiện nay bị cáo Vi Đức T đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Phan Khánh N

Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh C;

- Người làm chứng:

Nông Hữu Th - Sinh năm 1983, trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh C;

Hà Văn H – Sinh năm 1981, trú tại: B, xã T, huyện Tr, tỉnh L.

Bị cáo, người bị hại, người làm chứng – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2020, Phan Khánh N đến quán của Nông Hữu Th để chơi, trong quán có Nông Chiến H, Đinh Quốc P đang

chơi Bi-a, N ngồi ở chông ghế nhựa bên cạnh bàn Bi-a xem điện thoại, sau khi H và P chơi Bi-a xong, N có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S trên ghế ngồi rồi cùng Th chơi Bi-a, cùng lúc có Vi Đức T và Hà Văn H đến quán anh Nông Hữu Th để uống cà phê, H đến quán trước bằng xe máy còn T đi bộ đến sau. Khi vào quán T hỏi Th còn cà phê không, anh Th trả lời là không còn nên T ngồi xuống vị trí ghế anh N đặt chiếc điện thoại và hút thuốc lào. Hút xong một hơi thuốc lào, T tựa lưng vào ghế thì thấy chiếc điện thoại nên nảy sinh ý định lấy trộm, T quan sát trong quán thấy không có ai chú ý nên đã dùng tay trái cầm chiếc điện thoại đút vào túi quần bên trái, rồi lấy lý do quán không có cà phê để uống nên T rủ Hiếu quay về nhà mình uống rượu, H điều khiển xe máy đi về nhà T trước, T đi bộ theo sau. Trên đường về nhà, T lấy chiếc điện thoại ra tắt nguồn và cất vào túi quần. Về tới nhà T lấy lý do đi vệ sinh rồi đem chiếc điện thoại vừa mới trộm cắp được giấu lên nóc nhà vệ sinh, sau đó quay lại bàn uống rượu cùng H.

Đến 21 giờ 30 phút cùng ngày sau khi chơi Bi-a xong Phan Khánh N quay lại chỗ để chiếc điện thoại thì phát hiện chiếc điện thoại đã bị mất trộm. Nghi ngờ T và H lấy trộm chiếc điện thoại nên Phan Khánh N đi đến nhà T, hỏi T và H có được lấy chiếc điện thoại của mình không T và H trả lời là không được lấy. Anh N tìm trên người T, H và cốp xe của H nhưng không thấy chiếc điện thoại nên đã đến trình báo sự việc với Công an xã Đ, huyện T, tỉnh C để được giúp đỡ, cùng ngày Công an xã Đ đã chuyển nguồn tin tới Công an huyện T để phối hợp xử lý. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đến hiện trường lập biên bản sự việc và lấy lời khai những người liên quan để làm rõ vụ việc. Đến ngày 10/10/2020 Vi Đức T đã khai nhận hành vi trộm cắp chiếc điện thoại mục đích đem về sử dụng. Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S tại nhà của Vi Đức T.

Chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S anh Phan Khánh N mua vào ngày 27/4/2020 tại cửa hàng Thế giới di động Đông Khê địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C với giá là 5.990.000,đ (Năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 18 đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL –ĐGTS ngày 21/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T kết luận: Giá trị còn lại của chiếc điện thoại là 5.391.000,đ (Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng). Ngày 29/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch An đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 07, trả lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 9S cho chủ sở hữu là anh Phan Khánh N.

Quá trình điều tra xác định được Vi Đức T là người nghiện ma túy. Ngày 30 tháng 6 năm 2020, T bị Công an xã L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), T đã chấp hành xong.

Về nguồn ma túy đem về sử dụng, T khai thường đi mua tại khu vực địa phận thị trấn T, huyện Q, tỉnh C với những người lạ mặt, không rõ nhân thân, lai lịch nên

Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét xử lý.

Bị hại: Phan Khánh N trình bày: khoảng 21 giờ ngày 09/10/2020 anh Phan Khánh N đi xe mô tô từ nhà đến quán anh Th chơi Bi-a, anh có đặt chiếc điện thoại tại ba chiếc ghế nhựa màu đỏ chồng lên nhau (loại ghế có tựa lưng) chỗ của anh N ngồi ban đầu để cùng anh Th chơi Bi-a, một lúc sau có người đến mua rượu anh Th bán rượu cho khách, anh N tìm điện thoại không thấy, lúc này có Th và H đã rời khỏi quán, anh xác định Thuận là người đã lấy trộm chiếc điện thoại của anh, anh đã đến nhà Thuận hỏi nhưng Thuận nói không được lấy. Nên anh đã trình báo Công an xã Đức Xuân, huyện Thạch An, quá trình hỏi Thuận đã khai nhận được lấy chiếc điện thoại và giao nộp chiếc điện thoại cho Cơ quan điều tra và ngày 29/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch An đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 07, trả lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 9S cho anh Phan Khánh Nhật. Tại phiên tòa anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì mà yêu cầu xử lý hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Thuận theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vi Đức T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS - TA, ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và đề nghị: Về điều luật căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Vi Đức T từ 9 tháng đến 12 tháng tù.
- Vật chứng vụ án: Không có
- Về bồi thường dân sự: Không có
- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 09/10/2020 bị cáo Vi Đức T cùng Hà Văn H đến quán anh Th để uống cà phê nhưng không có nên bị cáo T ngồi xuống vị trí anh N đặt chiếc điện thoại để hút thuốc lào khi thấy chiếc điện thoại bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp, bị cáo T quan sát không trong quán không thấy ai

chú ý nên đã cầm lấy chiếc điện thoại đút vào túi quần rồi lấy lý do quán không có cà phê để uống nên rủ H đi về. Khi về đến nhà bị cáo T lấy lý do đi vệ sinh rồi đem chiếc điện thoại trộm cắp được giấu lên nóc nhà vệ sinh.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 18 đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9S. Tại bản kết luận định giá tài sản số 17/KL –ĐGTS ngày 21/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T kết luận: Giá trị còn lại của chiếc điện thoại là 5.391.000,đ (Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản (chiếc điện thoại) trộm cắp của Vi Văn T là 5.391.000,đ (Năm triệu ba trăm chín mươi một nghìn đồng).

Ngày 29/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 07, trả lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 9S cho chủ sở hữu là anh Phan Khánh N.

Do vậy hành vi của bị cáo Vi Đức T có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số: 01/QĐ-VKS - TA, ngày 16/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh C truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Bị cáo Vi Đức T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Chủ tọa phiên tòa nhận thấy:

Về nhân thân:

Bị cáo T là người có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy. Năm 2014 bị cáo Vi Đức T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện tỉnh C.

Về tiền án: Không có.

Về tiền sự: Bị cáo có 01 (một) tiền sự đó là: Ngày 30/6/2020 bị Công an xã L, huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, mức phạt 750.000,đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Do vậy xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi ngoài xã hội, một thời gian nhất định mới đủ rắn đe, giáo dục bị cáo, để bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về nguồn ma túy đem về sử dụng, bị cáo T khai thường đi mua tại thị trấn T, huyện Q, tỉnh C với những người lạ mặt, không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc điện thoại, Ngày 29/10/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 07, trả lại chiếc điện thoại Xiaomi Redmi Note 9S cho chủ sở hữu là anh Phan Khánh N. Tại phiên tòa anh N không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

[5] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[6] Phần tranh luận: Bị cáo, người bị hại không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[7] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong được giảm nhẹ hình phạt và bị cáo xin lỗi người bị hại.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Không có.

[9] Vật chứng của vụ án: Không có

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Tuyên bố:

Bị cáo Vi Đức T - Phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vi Đức T - 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

2. Về bồi thường dân sự: Không có

3. Vật chứng vụ án: Không có

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vi Đức T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

(Đã ký)

Lý Minh Giang

Hoàng Đức Anh

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

